

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**  
**QUÝ 4 NĂM 2008**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**DVT: VND**

Số TT	Tài sản	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>114,235,648,810</b>	<b>92,802,634,752</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39,647,720,150	18,482,415,921
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20,000,000	20,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	36,322,893,426	24,523,373,564
4	Hàng tồn kho	28,387,193,227	44,975,740,355
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,857,842,007	4,801,104,912
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>67,349,768,691</b>	<b>93,152,830,703</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	45,764,061	25,728,361
2	Tài sản cố định	56,996,426,301	78,535,998,390
	Tài sản cố định hữu hình	48,598,708,605	56,002,763,369
	Tài sản cố định vô hình	-	10,020,000,000
	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8,397,717,696	12,513,235,021
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,533,430,000	13,936,250,000
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,533,430,000	16,867,350,000
	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (cổ phiếu)	-	(2,931,100,000)
5	Tài sản dài hạn khác	2,774,148,329	654,853,952
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>181,585,417,501</b>	<b>185,955,465,455</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>72,713,304,087</b>	<b>73,231,906,447</b>
1	Nợ ngắn hạn	69,363,325,162	72,798,481,642
2	Nợ dài hạn	3,349,978,925	433,424,805
<b>V</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>108,872,113,414</b>	<b>112,723,559,008</b>
1	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>107,952,289,631</b>	<b>110,077,554,380</b>
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	46,694,970,000	46,694,970,000
	Thặng dư vốn cổ phần	47,990,911,925	47,990,911,925
	Cổ phiếu ngân quỹ	(1,500,000)	(88,750,000)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Các quỹ	10,524,984,735	15,399,021,575
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,742,922,971	81,400,880
2	<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>919,823,783</b>	<b>2,646,004,628</b>
	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	919,823,783	2,646,004,628
	Nguồn kinh phí	-	-
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>181,585,417,501</b>	<b>185,955,465,455</b>

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Quý 4/2008	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83,818,722,643	424,685,733,542
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	698,871	394,591,978
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83,818,023,772	424,291,141,564
4	Giá vốn hàng bán	53,598,223,892	312,985,806,684
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30,219,799,880	111,305,334,880
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,045,352,802	7,672,267,843
7	Chi phí tài chính	3,826,183,167	11,604,666,496
8	Chi phí bán hàng	6,199,279,915	36,985,604,180
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,119,081,899	58,091,109,321
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,120,607,701	12,296,222,726
11	Thu nhập khác	2,276,897,609	16,824,112,972
12	Chi phí khác		7,022,415,634
13	Lợi nhuận khác	2,276,897,609	9,801,697,338
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,397,505,310	22,097,920,064
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,601,738,798	5,968,413,077
16	Thuế thu nhập hoãn lại		
17	Thuế thu nhập được miễn giảm	332,353,931	991,243,760
18	Thuế thu nhập phải nộp (15-17)	1,269,384,867	4,977,169,317
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (14-15-16+17)	5,128,120,443	17,120,750,747

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2009

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)



Nguyễn Ân